

**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**  
**NGÀNH GDĐT HUYỆN BẮC TRÀ MY NĂM 2024**

**DANH SÁCH GHI ĐIỂM KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN BẮC TRÀ MY NĂM 2024**

(Kèm theo Thông báo số #sovb/TB-HĐTDVC ngày #nbh/5/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

| STT | SBD  | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh |       |      | Quê quán              | Vị trí dự tuyển   | Đối tượng ưu tiên | Phòng thi | Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường) |             | ĐIỂM SỐ         |                          |              |           | Kết quả            |
|-----|------|--------------------|---------------------|-------|------|-----------------------|-------------------|-------------------|-----------|----------------------------------|-------------|-----------------|--------------------------|--------------|-----------|--------------------|
|     |      |                    | Ngày                | Tháng | Năm  |                       |                   |                   |           |                                  |             | Điểm thi vòng 2 | Điểm phúc khảo/ chấm lại | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                    |
| 01  | 0001 | Trần Thị Ngọc Bích | 21                  | 7     | 1996 | Tuy Phước, Bình Định  | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Trà Giác                      | MG Sơn Ca   | 76,0            |                          |              | 76,0      | Trúng tuyển        |
| 02  | 0002 | Nguyễn Thị Chiến   | 02                  | 9     | 1991 | Hoài Nhơn, Bình Định  | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Sơn Trà                       | MG Hoa Hồng | 67,0            |                          |              | 67,0      | Trúng tuyển        |
| 03  | 0003 | Nguyễn Thị Diễm    | 15                  | 7     | 1996 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | Dân tộc thiểu số  | 01        | MG Măng Non                      | MG Sơn Trà  | 63,0            |                          | 5,0          | 68,0      | Trúng tuyển        |
| 04  | 0004 | Phạm Thị Diễm      | 25                  | 12    | 1994 | Sơn Tịnh, Quảng Ngãi  | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Sơn Trà                       | MG Tuổi Thơ | 68,5            |                          |              | 68,5      | Trúng tuyển        |
| 05  | 0005 | Nguyễn Thị Diễm    | 01                  | 01    | 1995 | Phú Ninh, Quảng Nam   | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Tuổi Thơ                      | MG Măng Non | 83,5            |                          |              | 83,5      | Trúng tuyển        |
| 06  | 0006 | Nguyễn Kim Hoàng   | 25                  | 3     | 1994 | Thăng Bình, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Sơn Ca                        | MG Tuổi Thơ | 84,0            |                          |              | 84,0      | Trúng tuyển        |
| 07  | 0007 | Nguyễn Thị Hương   | 10                  | 5     | 1994 | Núi Thành, Quảng Nam  | Giáo viên Mầm non | Dân tộc thiểu số  | 01        | MG Tuổi Hồng                     |             | 74,0            |                          | 5,0          | 79,0      | Trúng tuyển (DTTS) |
| 08  | 0008 | Đoàn Thị Lài       | 08                  | 8     | 1994 | Thăng Bình, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Tuổi Thơ                      | MG Măng Non | 66,0            |                          |              | 66,0      | Trúng tuyển        |
| 09  | 0009 | Nguyễn Thị Lãi     | 29                  | 6     | 1994 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | Dân tộc thiểu số  | 01        | MG Trà Giác                      | MG Sơn Trà  | 84,3            |                          | 5,0          | 89,3      | Trúng tuyển        |

| STT | SBD  | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh |       |      | Quê quán              | Vị trí dự tuyển   | Đối tượng ưu tiên | Phòng thi | Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường) |               | ĐIỂM SỐ         |                          |              |           | Kết quả            |
|-----|------|---------------------|---------------------|-------|------|-----------------------|-------------------|-------------------|-----------|----------------------------------|---------------|-----------------|--------------------------|--------------|-----------|--------------------|
|     |      |                     | Ngày                | Tháng | Năm  |                       |                   |                   |           | Nguyễn vọng 1                    | Nguyễn vọng 2 | Điểm thi vòng 2 | Điểm phúc khảo/ chấm lại | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                    |
| 10  | 0010 | Dương Thị Mỹ Lan    | 06                  | 6     | 1992 | Thăng Bình, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Trà Tân                       | MG Hoa Phượng | 64,0            |                          |              | 64,0      | Trúng tuyển        |
| 11  | 0011 | Nguyễn Thị Kim Lanh | 07                  | 4     | 1992 | Tiên Phước, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Tuổi Thơ                      | MG Sơn Ca     | 79,0            |                          |              | 79,0      | Trúng tuyển        |
| 12  | 0012 | Nguyễn Thị Mỹ Linh  | 06                  | 10    | 2000 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Hoa Hồng                      | MN Vàng Anh   | 78,0            |                          |              | 78,0      | Trúng tuyển        |
| 13  | 0013 | Lê Thị Mỹ Linh      | 01                  | 01    | 2001 | Tiên Phước, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Sơn Trà                       | MG Hoa Phượng | 85,0            |                          |              | 85,0      | Trúng tuyển        |
| 14  | 0014 | Nguyễn Thị Loan     | 19                  | 8     | 1995 | Tiên Phước, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Hoa Hồng                      | MG Sơn Ca     | 65,5            |                          |              | 65,5      | Trúng tuyển        |
| 15  | 0015 | Nguyễn Thị Thu Lũy  | 02                  | 12    | 1993 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | Dân tộc thiểu số  | 01        | MG Trà Giác                      | MG Sơn Trà    | 79,0            |                          | 5,0          | 84,0      | Trúng tuyển        |
| 16  | 0016 | Hoàng Thị My        | 10                  | 11    | 1991 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Hoa Phượng                    | MN Phong Lan  | 60,0            |                          |              | 60,0      | Trúng tuyển        |
| 17  | 0017 | Trần Thị Na         | 01                  | 6     | 1998 | Phú Ninh, Quảng Nam   | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Sơn Ca                        | MN Vàng Anh   | 64,0            |                          |              | 64,0      | Trúng tuyển        |
| 18  | 0018 | Hồ Thị Nga          | 05                  | 5     | 2001 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | Dân tộc thiểu số  | 01        | MG Sơn Trà                       | MG Hoa Phượng | 63,0            |                          | 5,0          | 68,0      | Trúng tuyển (DTTS) |
| 19  | 0019 | Đinh Thị Thanh Nga  | 22                  | 5     | 1996 | Thiệu Hoá, Thanh Hoá  | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Măng Non                      | MG Tuổi Thơ   | 79,0            |                          |              | 79,0      | Trúng tuyển        |
| 20  | 0020 | Huỳnh Thị Cẩm Ngân  | 25                  | 9     | 1996 | Tiên Phước, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                 | 01        | MG Trà Giác                      | MG Tuổi Thơ   | 83,5            |                          |              | 83,5      | Trúng tuyển        |

| STT | SBD  | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |       |      | Quê quán              | Vị trí dự tuyển   | Đối tượng ưu tiên               | Phòng thi | Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường) |               | ĐIỂM SỐ         |                          |              |           | Kết quả     |
|-----|------|-----------------------|---------------------|-------|------|-----------------------|-------------------|---------------------------------|-----------|----------------------------------|---------------|-----------------|--------------------------|--------------|-----------|-------------|
|     |      |                       | Ngày                | Tháng | Năm  |                       |                   |                                 |           | Nguyễn vọng 1                    | Nguyễn vọng 2 | Điểm thi vòng 2 | Điểm phúc khảo/ chấm lại | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |             |
| 21  | 0021 | Phạm Thị Ngân         | 04                  | 3     | 1995 | Bình Lục, Hà Nam      | Giáo viên Mầm non | -                               | 01        | MG Hoa Phượng                    | MG Trà Tân    | 79,5            |                          |              | 79,5      | Trúng tuyển |
| 22  | 0022 | Nguyễn Thị Hoài Ngọc  | 19                  | 12    | 2001 | Phú Ninh, Quảng Nam   | Giáo viên Mầm non | -                               | 01        | MG Tuổi Thơ                      | MG Sơn Trà    | 40,0            |                          |              | 40,0      |             |
| 23  | 0023 | Hồ Thị Nguyên         | 02                  | 8     | 1990 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | Dân tộc thiểu số; con bệnh binh | 01        | MG Tuổi Thơ                      | MG Trà Tân    | 72,5            |                          | 5,0          | 77,5      | Trúng tuyển |
| 24  | 0024 | Phan Thị Yến Nhi      | 27                  | 9     | 2000 | Tiên Phước, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                               | 01        | MG Hoa Hồng                      | MN Vàng Anh   | 77,5            |                          |              | 77,5      | Trúng tuyển |
| 25  | 0025 | Bùi Thị Cẩm Nhung     | 13                  | 01    | 1992 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                               | 02        | MG Sơn Ca                        | MG Hoa Hồng   | 78,5            |                          |              | 78,5      | Trúng tuyển |
| 26  | 0026 | Phan Thị Phước        | 03                  | 5     | 1995 | Tiên Phước, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                               | 02        | MN Vàng Anh                      | MN Phong Lan  | 78,0            |                          |              | 78,0      | Trúng tuyển |
| 27  | 0027 | Nguyễn Thị Thúy Quyên | 25                  | 6     | 1997 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                               | 02        | MG Hoa Phượng                    | MG Măng Non   | 79,5            |                          |              | 79,5      | Trúng tuyển |
| 28  | 0028 | Hồ Thị Như Quỳnh      | 03                  | 9     | 1991 | Thăng Bình, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                               | 02        | MG Măng Non                      | MG Sơn Ca     | 83,5            |                          |              | 83,5      | Trúng tuyển |
| 29  | 0029 | Lê Thị Sương          | 01                  | 5     | 1994 | Bắc Trà My, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | Dân tộc thiểu số                | 02        | MG Trà Giác                      | MG Sơn Trà    | 86,0            |                          | 5,0          | 91,0      | Trúng tuyển |
| 30  | 0030 | Trần Thị Sỷ           | 21                  | 01    | 1991 | Thăng Bình, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | Con thương binh                 | 02        | MG Sơn Ca                        | MG Sơn Trà    | 82,0            |                          | 5,0          | 87,0      | Trúng tuyển |
| 31  | 0031 | Nguyễn Thị Thanh Tâm  | 06                  | 9     | 1997 | Tiên Phước, Quảng Nam | Giáo viên Mầm non | -                               | 02        | MN Vàng Anh                      | MN Phong Lan  | 78,0            |                          |              | 78,0      | Trúng tuyển |

| STT | SBD  | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh |       |      | Quê quán                   | Vị trí dự tuyển   | Đối tượng ưu tiên | Phòng thi | Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường) |               | ĐIỂM SỐ         |                          |              |           | Kết quả     |
|-----|------|----------------------|---------------------|-------|------|----------------------------|-------------------|-------------------|-----------|----------------------------------|---------------|-----------------|--------------------------|--------------|-----------|-------------|
|     |      |                      | Ngày                | Tháng | Năm  |                            |                   |                   |           | Nguyễn vọng 1                    | Nguyễn vọng 2 | Điểm thi vòng 2 | Điểm phúc khảo/ chấm lại | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |             |
| 32  | 0032 | Nguyễn Thị Bích Thảo | 04                  | 02    | 1996 | Tiên Phước, Quảng Nam      | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MG Hoa Hồng                      | MG Hoa Phượng | 86,5            |                          |              | 86,5      | Trúng tuyển |
| 33  | 0033 | Nguyễn Thị Thu       | 02                  | 02    | 1995 | Phước Vĩnh, Thừa Thiên Huế | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MG Măng Non                      | MG Tuổi Thơ   | 86,5            |                          |              | 86,5      | Trúng tuyển |
| 34  | 0034 | Lê Anh Thư           | 11                  | 3     | 1994 | Tam Kỳ, Quảng Nam          | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MG Hoa Hồng                      | MG Trà Tân    |                 |                          |              | 0,0       | Vắng thi    |
| 35  | 0035 | Nguyễn Thị Ngọc Thư  | 03                  | 8     | 1997 | Điện Bàn, Quảng Nam        | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MN Phong Lan                     | MN Vàng Anh   | 57,0            |                          |              | 57,0      | Trúng tuyển |
| 36  | 0036 | Đoàn Thị Thuyền      | 08                  | 9     | 1989 | Bắc Trà My, Quảng Nam      | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MG Trà Tân                       | MG Hoa Hồng   | 93,5            |                          |              | 93,5      | Trúng tuyển |
| 37  | 0037 | Trần Thị Thu Trang   | 15                  | 11    | 1984 | Núi Thành, Quảng Nam       | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MG Sơn Trà                       | MG Sơn Ca     | 51,0            |                          |              | 51,0      | Trúng tuyển |
| 38  | 0038 | Nguyễn Thị Lệ Tuyết  | 22                  | 11    | 1992 | Phú Ninh, Quảng Nam        | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MG Hoa Phượng                    | MG Trà Giác   | 80,5            |                          |              | 80,5      | Trúng tuyển |
| 39  | 0039 | Trần Thị Uyên        | 20                  | 7     | 1996 | Thăng Bình, Quảng Nam      | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MG Hoa Hồng                      | MG Sơn Ca     | 79,0            |                          |              | 79,0      | Trúng tuyển |
| 40  | 0040 | Nguyễn Thị Khánh Vĩ  | 20                  | 7     | 1998 | Điện Bàn, Quảng Nam        | Giáo viên Mầm non | -                 | 02        | MG Trà Tân                       | MG Trà Giác   | 78,5            |                          |              | 78,5      | Trúng tuyển |